

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 1993

PHÁP LỆNH

Về thẩm phán và Hội thẩm toà án nhân dân

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Luật tổ chức Toà án nhân dân;

Pháp lệnh này quy định về Thẩm phán và Hội thẩm Toà án nhân dân.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

1- Thẩm phán là người được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án.

2- Hội thẩm là người được bầu hoặc cử theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án.

Điều 2

Việc xét xử của Toà án nhân dân có Hội thẩm nhân dân tham gia; việc xét xử của Toà án quân sự có Hội thẩm quân nhân tham gia theo quy định của pháp luật tố tụng. Khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán.

Điều 3

Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 4

Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất, đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có kiến thức pháp lý, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có tinh thần kiên quyết bảo vệ

pháp chế xã hội chủ nghĩa, có sức khoẻ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán, được bầu hoặc cử làm Hội thẩm.

Điều 5

Thẩm phán, Hội thẩm chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm và hậu quả mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 6

Thẩm phán, Hội thẩm phải giữ bí mật công tác theo quy định của pháp luật.

Điều 7

Thẩm phán, Hội thẩm được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xét xử.

Chánh án Toà án các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm.

Điều 8

Thẩm phán, Hội thẩm phải tôn trọng nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thẩm phán, Hội thẩm dựa vào cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình các tổ chức, cá nhân này có trách nhiệm tạo điều kiện để Thẩm phán, Hội thẩm làm nhiệm vụ.

Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở Thẩm phán, Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THẨM PHÁN.

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI THẨM PHÁN

Điều 9

Thẩm phán làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh án.

Điều 10

Thẩm phán có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân thi hành những quyết định có liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định pháp luật tố tụng.

Điều 11

Thẩm phán không được tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12

Thẩm phán phải từ chối nhiệm vụ hoặc bị thay đổi nếu có căn cứ cho thấy có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ đó.

Điều 13

Thẩm phán hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 14

Thẩm phán được cấp trang phục, giấy chứng minh Thẩm phán để làm nhiệm vụ.

Mẫu trang phục, chế độ cấp phát và sử dụng trang phục, giấy chứng minh Thẩm phán do Bộ trưởng Bộ Tư pháp thống nhất với Chánh án Toà án nhân dân tối cao trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

Điều 15

Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tư pháp sau khi thống nhất với Chánh án Toà án nhân dân tối cao quyết định chuyển Thẩm phán từ Toà án nhân dân địa phương này đến Toà án nhân dân địa phương khác cùng cấp.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định chuyển Thẩm phán từ Toà án quân sự này đến Toà án quân sự khác cùng cấp.

CHƯƠNG III

TIÊU CHUẨN THẨM PHÁN

THỦ TỤC TUYỂN CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM,

CÁCH CHỨC THẨM PHÁN

Điều 16

Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Pháp lệnh này, có trình độ cao đẳng Toà án hoặc đại học luật, có thời gian làm công tác pháp luật từ tám năm trở lên, có năng lực xét xử các vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân tối cao theo quy định của pháp

luật tố tụng, thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; nếu là sĩ quan quân đội tại ngũ và có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều này thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán Toà án quân sự trung ương.

Điều 17

Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Pháp lệnh này, có trình độ cao đẳng Toà án hoặc đại học luật, có thời gian làm công tác pháp luật từ sáu năm trở lên, có năng lực xét xử các vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Toà án quân sự quân khu và tương đương theo quy định của pháp luật tố tụng, thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nếu là sĩ quan quân đội tại ngũ và có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều này thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán Toà án quân sự quân khu và tương đương.

Điều 18

Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Pháp lệnh này, có trình độ cao đẳng Toà án hoặc đại học luật, có thời gian làm công tác pháp luật từ bốn năm trở lên, có năng lực xét xử các vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Toà án quân sự khu vực theo quy định của pháp luật tố tụng, thì có thể được bổ nhiệm làm Thẩm phán Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; nếu là sĩ quan quân đội tại ngũ và có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều này thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán Toà án quân sự khu vực.

Điều 19

Nhiệm kỳ của Thẩm phán các Toà án các cấp là năm năm, kể từ ngày được bổ nhiệm.

Điều 20

1- Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán có nhiệm vụ tuyển chọn người đủ tiêu chuẩn làm Thẩm phán và trình Chủ tịch nước bổ nhiệm; xem xét những trường hợp Thẩm phán vi phạm kỷ luật không còn đủ tiêu chuẩn làm Thẩm phán và trình Chủ tịch nước cách chức.

2- Để tuyển chọn Thẩm phán, thành lập các Hội đồng sau đây:

- Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Thẩm phán Toà án quân sự trung ương;

- Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thẩm phán Toà án quân sự quân khu và tương đương, Thẩm phán Toà án quân sự khu vực;
- Các Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

3- Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán làm việc theo chế độ tập thể. Quyết định của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Điều 21

1- Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Thẩm phán Toà án quân sự trung ương gồm có Chánh án Toà án nhân dân tối cao làm Chủ tịch, đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành trung ương Hội luật gia Việt Nam là uỷ viên.

Danh sách các uỷ viên của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Thẩm phán Toà án quân sự trung ương do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

2- Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Thẩm phán Toà án quân sự trung ương có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây :

a) Tuyển chọn người đủ tiêu chuẩn làm Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Thẩm phán Toà án quân sự trung ương theo đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao và trình Chủ tịch nước bổ nhiệm.

b) Xem xét những trường hợp Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Thẩm phán Toà án quân sự trung ương vi phạm kỷ luật không còn đủ tiêu chuẩn làm Thẩm phán theo đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao và trình Chủ tịch nước cách chức.

Điều 22

1- Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thẩm phán Toà án quân sự quân khu và tương đương, Thẩm phán Toà án quân sự khu vực gồm có Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Chủ tịch, đại diện Toà án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành trung ương Hội luật gia Việt Nam là uỷ viên.